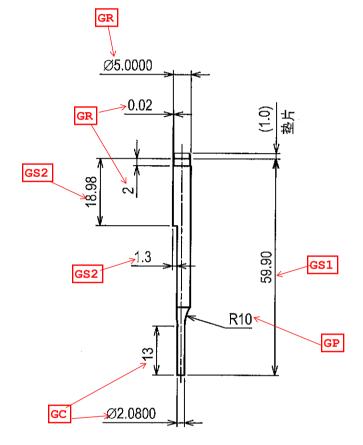
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE		E	
init.	2015/01/06	新规设计	•	Zhoxi_Shao_Xiong	Zhang_Guaeg_Wu	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
\wedge						0.000	±0.005	0.000 _0	+0.005 -0
$\overline{\wedge}$						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
쉿						0.0	± 0.1	0.00 _0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 _0	+0.1 -0
						TO OTHE	LERAN RWISE	ICES NO SPECI	OT FIED
					,		FINISH	MARKS	
								G	
							∇	$\overline{\nabla}$	



6

S CHUẨN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME		
Zhou_Shao_Xiong	Zhang_Guang_Wu	音	17品図	穴抜きパンチ		
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART	DRAWING	HOLE BLANKING PUNCH		
	DONINGE	部品図 部品図		孔穿孔沖頭		
HRC 0 °~ 0 °	ı			孔穿孔冲头		
MATERIAL	DATE	SCALE	A -1	DWG.No.		
WC(D30/HIP)	2015/01/06	1:1		S941220		

MABUCH MOTOR CO.,LTD.

SNO: S941220	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	THỜI GIAN CHUẨN 1P GR:60 GS1:30 GC:40 GP:30 GS2:40 KT